



A member of JHI International

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG BÌNH TRIỆU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011



Đơn vị kiểm toán:

CÔNG TY DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ JHI
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Tel: (08) 38205944- 38205947; Fax: (08) 38205942

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
Báo cáo Kiểm toán	5 - 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	6 - 9
- Kết quả hoạt động kinh doanh	10 - 10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
- Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 27

02050
CÔNG
CHÍNH
CH VỤ
CHÍNH
VÀ KIỂM
PHIA
TP. H

02050
CÔNG
CHÍNH
CH VỤ
CHÍNH
VÀ KIỂM
PHIA
TP. H

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Bình Triệu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011.

Công ty

Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Bình Triệu được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Cơ khí lắp ráp thiết bị Bình Triệu thành công ty cổ phần theo Quyết định số 206/1998/QĐ/BNN-TCCB ngày 10/12/1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301888974 đăng ký lần đầu ngày 29/12/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 21 tháng 6 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại

Ngành nghề kinh doanh:

Thiết kế chế tạo, lắp đặt máy cơ khí nông nghiệp trung, đại tu các loại máy thi công cơ giới; chế tạo phụ tùng thay thế; lắp đặt cấu kiện kim loại, thiết bị công trình thủy lợi, thủy điện sản xuất và lắp ráp các loại kết cấu thép trong xây dựng và công nghiệp - cơ khí công trình. Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, công nghiệp và dân dụng; san lấp mặt bằng, xử lý nền móng công trình; xây dựng cầu đường.

Mua bán máy móc thiết bị, các loại sản phẩm cơ khí (trừ cơ khí tiêu dùng). Xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 35kv. Xây dựng, chế tạo, lắp đặt thiết bị cấp thoát nước và xử lý môi trường, chế tạo, lắp đặt, sửa chữa các loại bình áp lực, hệ thống đường ống áp lực. Sản xuất và lắp ráp các loại phương tiện cơ giới đường bộ. Lắp đặt thiết bị cơ, điện, hệ thống điều khiển dây chuyền thiết bị công nghệ các nhà máy công nghiệp - nông nghiệp - cơ khí thuộc dự án nhóm B. Thiết kế, chế tạo, lắp đặt và sửa chữa bảo trì các loại thiết bị nâng hạ. Mua bán nguyên vật liệu ngành công nghiệp - nông nghiệp - xây dựng, công nghệ phẩm, hàng kim khí điện máy, hàng thủ công mỹ nghệ, phương tiện cơ giới đường bộ - xe gắn máy - xe đạp và các phụ tùng thay thế, hàng trang trí nội ngoại thất, lương thực - thực phẩm, thiết bị viễn thông.

Dịch vụ môi giới thương mại. Dịch vụ bán đấu giá tài sản. Kinh doanh nhà. Môi giới bất động sản. Kinh doanh và cho thuê: nhà ở, kho bãi, nhà xưởng, văn phòng, kiốt, nhà biểu diễn. Mua bán và cho thuê phương tiện vận tải.

Trụ sở chính: 79/5B Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Hình thức sở hữu vốn:

Là công ty cổ phần, vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 13.512.858.342 VND, vốn điều lệ thực góp đến thời điểm 31/12/2011 là 13.874.790.000 VND.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông NGUYỄN THANH HẢO	Chủ tịch	
Ông PHAN VĂN TRỌNG	Phó Chủ tịch	
Ông HÀ THẾ QUANG	Ủy viên	(Từ nhiệm ngày 08/4/2011)
Ông ĐINH VĂN XÔ	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 09/4/2011)
Ông ĐỒNG SĨ TRUNG	Ủy viên	
Ông TRẦN QUANG VINH	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông ĐINH VĂN THIỆU	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01/09/2011)
Ông PHAN VĂN TRỌNG	Tổng Giám đốc	(Từ nhiệm ngày 30/08/2011)
Ông VÕ MINH HẢI	Phó Tổng Giám đốc	
Ông ĐINH TIẾN VIỆT	Giám đốc Tài chính	

Các thành viên của Ban kiểm soát bao gồm:

Ông ĐÀO VĂN TUẤN	Trưởng ban
Ông LÊ VĂN QUÝ	Thành viên
Ông NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	Thành viên

Kế toán trưởng

Bà NGUYỄN HỒNG MỸ HẠNH

Tình hình kinh doanh của Công ty

Lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2011 là 4.501.692.950 VND (Cùng kỳ kế toán năm 2010 lợi nhuận sau thuế là 2.110.357.154 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2011 là 4.380.924.457 VND (Tại thời điểm 31/12/2010 lợi nhuận chưa phân phối là 2.191.896.699 VND).

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được bổ nhiệm thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng được tuân thủ đầy đủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Bình Triệu phê duyệt Báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011 của Công ty.

TP. HCM, ngày 10 tháng 02 năm 2012

TM. Hội đồng Quản trị

TP. HCM, ngày 10 tháng 02 năm 2012

TM. Ban Giám đốc



NGUYỄN THANH HẢO
Chủ tịch

A blue ink handwritten signature of Đinh Văn Thiệu.

ĐINH VĂN THIỆU
Tổng Giám đốc



Số: 49.../BCKT-TC**BÁO CÁO KIỂM TOÁN****Về Báo cáo tài chính năm kết thúc vào ngày 31/12/2011
của Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Bình Triệu****Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG BÌNH TRIỆU**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Bình Triệu được lập ngày 31/12/2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

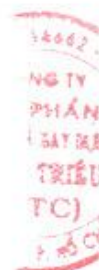
Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Bình Triệu đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh ngày 14 tháng 02 năm 2012

Kiểm toán viên điều hành**LÊ VĂN TUẤN**
CPA số: 0479/KTV**PHÙNG NGỌC TOÀN**
CPA số: 0335/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

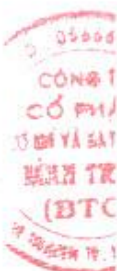
Đơn vị tính: VND				
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		71.240.602.920	41.034.696.399
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	03	30.644.166.817	5.246.288.693
1. Tiền	111		7.215.283.484	5.246.288.693
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.428.883.333	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	04	1.142.138.200	17.083.145.606
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.568.788.828	18.863.835.590
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(2.426.650.628)	(1.780.689.984)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.494.736.981	14.171.882.670
1. Phải thu khách hàng	131		8.472.365.922	8.448.679.781
2. Trả trước cho người bán	132		644.614.088	1.327.586.587
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	05	4.652.126.971	4.669.986.302
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(274.370.000)	(274.370.000)
IV. Hàng tồn kho	140		24.881.962.786	3.723.361.791
1. Hàng tồn kho	141	06	24.881.962.786	3.723.361.791
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.077.598.136	810.017.639
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		115.361.894	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	07	56.896.435	7.987.207
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	08	905.339.807	802.030.432



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND				
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.447.008.888	10.556.548.597
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.447.008.888	1.556.548.597
1. Tài sản cố định hữu hình	221	09	1.376.793.115	1.486.332.824
- Nguyên giá	222		12.930.623.482	12.712.110.730
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(11.553.830.367)	(11.225.777.906)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	70.215.773	70.215.773
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		9.000.000.000	9.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11	9.000.000.000	9.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		81.687.611.808	51.591.244.996



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
NGUỒN VỐN				
A . NỢ PHẢI TRẢ	300		59.016.266.275	32.554.949.028
I. Nợ ngắn hạn	310		58.862.850.112	32.401.532.865
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	33.000.000	33.000.000
2. Phải trả người bán	312		1.649.800.456	2.479.878.844
3. Người mua trả tiền trước	313		31.098.902.559	5.908.327.312
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	1.352.314.399	2.833.062.965
5. Phải trả người lao động	315		3.782.699.904	771.693.366
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	20.645.862.097	20.159.069.351
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		300.270.697	216.501.027
II. Nợ dài hạn	330		153.416.163	153.416.163
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	15	3.000.000	3.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		150.416.163	150.416.163
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		22.671.345.533	19.036.295.968
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	22.671.345.533	19.036.295.968
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		13.874.790.000	13.874.790.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		445.617.017	445.617.017
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		2.224.331.803	1.107.094.501
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.163.922.419	944.732.749
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		581.759.837	472.165.002
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.380.924.457	2.191.896.699
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		81.687.611.808	51.591.244.996

050689-
CÔNG TY
KIỂM HỮU
VỤ TƯ VẤN
KẾ TOÁN
TÀI CHÍNH
HỒ CHÍ MINH

CIC
HỒ CHÍ MINH

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		184.440,32	108.788,94
(EUR)		101.196,84	24.311,59
(JPY)		82,00	82,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Tổng Giám đốc




SỬ THỊ THÙY NGÀ

NGUYỄN HỒNG MỸ HẠNH

ĐINH VĂN THIỆU

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	45.038.176.624	46.220.419.812
02	2. Các khoản giảm trừ	18	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	45.038.176.624	46.220.419.812
11	4. Giá vốn hàng bán	20	35.143.166.995	37.803.879.101
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.895.009.629	8.416.540.711
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.155.375.888	298.529.396
22	7. Chi phí tài chính	22	2.295.618.367	591.686.031
23	Trong đó: chi phí lãi vay		12.600.000	193.686.000
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		6.851.447.359	6.680.267.046
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.903.319.791	1.443.117.030
31	11. Thu nhập khác		2.502.431.254	3.095.754.232
32	12. Chi phí khác		1.771.364.360	1.447.417.840
40	13. Lợi nhuận khác		731.066.894	1.648.336.392
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.634.386.685	3.091.453.422
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23	1.132.693.735	981.096.268
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4.501.692.950	2.110.357.154
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	3.245	1.593

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Tổng Giám đốc

SỬ THỊ THÙY NGÀ

NGUYỄN HỒNG MỸ HẠNH

ĐINH VĂN THIỆU

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2011

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		77.432.904.331	48.560.033.484
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(37.294.674.595)	(24.245.022.398)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.735.854.462)	(3.471.921.705)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(6.057.692)	(3.675.000)
5. Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(379.019.479)	(1.309.907.778)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		497.637.686	2.424.487.833
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(27.809.050.934)	(18.536.861.878)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.705.884.855	3.417.132.558
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(240.333.752)	(1.071.442.500)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(140.486.042.748)	(76.933.575.094)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		156.574.673.627	73.305.447.725
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.894.568.185	265.511.039
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		17.742.865.312	(4.434.058.830)

10204066
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU
HẠN DỊCH VỤ TƯ
VẤN TÀI CHÍNH KẾ
TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
PHÍA NAM
TP. HỒ CHÍ MINH

10204066
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU
HẠN DỊCH VỤ TƯ
VẤN TÀI CHÍNH KẾ
TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
PHÍA NAM
TP. HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2011

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.387.479.000)	(882.941.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.387.479.000)	(882.941.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		23.061.271.167	(1.899.867.772)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.246.288.693	5.856.410.101
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.336.606.957	1.289.746.364
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		30.644.166.817	5.246.288.693

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Tổng Giám đốc

SỬ THỊ THUYỀN

NGUYỄN HỒNG MỸ HẠNH

ĐINH VĂN THIỆU

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Bình Triệu được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Cơ khí lắp ráp thiết bị Bình Triệu thành công ty cổ phần theo Quyết định số 206/1998/QĐ/BNN-TCCB ngày 10/12/1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301888974 đăng ký lần đầu ngày 29/12/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 21 tháng 6 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại

Ngành nghề kinh doanh:

Thiết kế chế tạo, lắp đặt máy cơ khí nông nghiệp trung, đại tu các loại máy thi công cơ giới; chế tạo phụ tùng thay thế; lắp đặt cấu kiện kim loại, thiết bị công trình thủy lợi, thủy điện sản xuất và lắp ráp các loại kết cấu thép trong xây dựng và công nghiệp - cơ khí công trình. Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, công nghiệp và dân dụng; san lấp mặt bằng, xử lý nền móng công trình; xây dựng cầu đường.

Mua bán máy móc thiết bị, các loại sản phẩm cơ khí (trừ cơ khí tiêu dùng). Xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 35kv. Xây dựng, chế tạo, lắp đặt thiết bị cấp thoát nước và xử lý môi trường, chế tạo, lắp đặt, sửa chữa các loại bình áp lực, hệ thống đường ống áp lực. Sản xuất và lắp ráp các loại phương tiện cơ giới đường bộ. Lắp đặt thiết bị cơ, điện, hệ thống điều khiển dây chuyền thiết bị công nghệ các nhà máy công nghiệp - nông nghiệp - cơ khí thuộc dự án nhóm B. Thiết kế, chế tạo, lắp đặt và sửa chữa bảo trì các loại thiết bị nâng hạ. Mua bán nguyên vật liệu ngành công nghiệp - nông nghiệp - xây dựng, công nghệ phẩm, hàng kim khí điện máy, hàng thủ công mỹ nghệ, phương tiện cơ giới đường bộ - xe gắn máy - xe đạp và các phụ tùng thay thế, hàng trang trí nội ngoại thất, lương thực - thực phẩm, thiết bị viễn thông.

Dịch vụ môi giới thương mại. Dịch vụ bán đấu giá tài sản. Kinh doanh nhà. Môi giới bất động sản. Kinh doanh và cho thuê: nhà ở, kho bãi, nhà xưởng, văn phòng, kiốt, nhà biểu diễn. Mua bán và cho thuê phương tiện vận tải.

Trụ sở chính: 79/5B Nguyễn Xi, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Bộ Tài chính đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ dài hạn tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ ngắn hạn được hạch toán trên tài khoản Chênh lệch tỷ giá hối đoái, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại hoặc bút toán đảo để xóa số dư (Công ty áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính).

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao áp dụng và các trường hợp khấu hao đặc biệt: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính theo quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc : 20 năm
- Máy móc, thiết bị : 03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải : 07 - 20 năm
- Dụng cụ quản lý : 03 - 05 năm

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.



Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

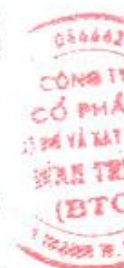
Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.



Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ xung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ ngắn hạn.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và được trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.



3. TIỀN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Tiền mặt	63.834.175	77.997.397
- Tiền gửi ngân hàng	7.151.449.309	5.168.291.296
- Tiền đang chuyển	-	-
- Tương đương tiền	23.428.883.333	-
Tổng cộng	30.644.166.817	5.246.288.693

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2011	01/01/2011	31/12/2011	01/01/2011
	SL CP	SL CP	VND	VND
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn:			3.335.846.328	3.237.406.328
+ Cổ phiếu FPT	4.000	4.000	329.441.540	329.441.540
+ Cổ phiếu HAP	26.019	21.120	1.098.203.105	1.098.203.105
+ Cổ phiếu REE	20.440	15.400	536.099.719	466.099.719
+ Cổ phiếu SC5	9.504	7.920	782.293.324	782.293.324
+ Cổ phiếu STB	20.886	18.162	588.608.640	561.368.640
+ Cổ phiếu EIB	1.329	-	1.200.000	-
- Đầu tư ngắn hạn khác:			232.942.500	15.626.429.262
+ Tiền gửi kỳ hạn - Ngân hàng NN&PTNT			-	236.331.500
+ Tiền gửi kỳ hạn - Ngân hàng BIDV			-	11.359.200.000
+ Đầu tư ngắn hạn khác (trái phiếu REE)			-	70.000.000
+ Tiền gửi kỳ hạn - Techcombank			-	3.752.571.262
+ Đầu tư ngắn hạn khác			232.942.500	208.326.500
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn:			(2.426.650.628)	(1.780.689.984)
+ Cổ phiếu FPT			(130.641.540)	(71.417.654)
+ Cổ phiếu HAP			(1.012.340.405)	(802.441.296)
+ Cổ phiếu REE			(305.127.719)	(193.482.718)
+ Cổ phiếu SC5			(705.310.924)	(477.317.736)
+ Cổ phiếu STB			(273.230.040)	(236.030.580)
Tổng cộng			1.142.138.200	17.083.145.606

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Công ty CP TMSX - XD Hưng Thịnh (*)	4.244.883.680	4.244.883.680
- Kinh phí công đoàn	265.660.802	259.635.634
- Phải thu Bảo hiểm xã hội	3.301.891	-
- Khác	138.280.598	165.466.988
Tổng cộng	4.652.126.971	4.669.986.302

Ghi chú: (*) Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Bình Triệu thanh toán 30% giá trị theo Hợp đồng thỏa thuận về việc thuê đất tại KCN Đồng An 2 số 08/2008/TTGN ngày 28/02/2008 để xây dựng nhà xưởng sản xuất cơ khí và xây dựng, thời hạn thuê đất là 49 năm.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	232.158.646	279.870.112
- Công cụ, dụng cụ	109.489.462	105.683.532
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	24.540.314.678	3.337.808.147
Tổng cộng	24.881.962.786	3.723.361.791

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-
- Thuế nhập khẩu	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	56.896.435	7.987.207
- Phí, lệ phí	-	-
Tổng cộng	56.896.435	7.987.207

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Tài sản thiếu chờ xử lý	-	1.036.576.972
- Tạm ứng	821.491.296	(392.243.562)
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn khác	83.848.511	157.697.022
Tổng cộng	905.339.807	802.030.432



09. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	3.894.844.577	7.622.426.269	1.129.576.884	65.263.000	12.712.110.730
2. Số tăng trong kỳ	-	218.512.752	-	-	218.512.752
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua sắm mới	-	218.512.752	-	-	218.512.752
- Chuyển nhóm	-	-	21.821.000	-	21.821.000
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Chuyển nhóm	-	21.821.000	-	-	21.821.000
4. Số dư cuối kỳ	3.894.844.577	7.840.939.021	1.129.576.884	65.263.000	12.930.623.482
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	3.891.283.187	6.543.095.104	746.241.157	45.158.458	11.225.777.906
2. Tăng trong kỳ	3.561.388	226.439.050	98.319.583	20.104.542	348.424.563
- Khấu hao trong kỳ	3.561.388	226.439.050	87.525.162	10.526.864	328.052.464
- Chuyển nhóm	-	-	10.794.421	9.577.678	20.372.099
3. Giảm trong kỳ	-	20.372.102	-	-	20.372.102
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Chuyển nhóm	-	20.372.102	-	-	20.372.102
4. Số dư cuối kỳ	3.894.844.575	6.749.162.052	844.560.740	65.263.000	11.553.830.367

III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH

1. Tại ngày đầu năm	3.561.390	1.079.331.165	383.335.727	20.104.542	1.486.332.824
2. Tại ngày cuối kỳ	2	1.091.776.969	285.016.144	-	1.376.793.115



10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Chi phí xây dựng dở dang	70.215.773	70.215.773
Tổng cộng	70.215.773	70.215.773

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Triệu Hưng Gia (*)	9.000.000.000	9.000.000.000
Tổng cộng	9.000.000.000	9.000.000.000

Ghi chú: () Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Bình Triệu góp vốn đợt 1 để thành lập Công ty CP Đầu tư Xây dựng Triệu Hưng Gia thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư Nguyễn Xi, P.26, Q. Bình Thạnh, TP. HCM.*

Vốn điều lệ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Triệu Hưng Gia: 38.000.000.000 đồng.

Trong đó: Tỷ lệ góp vốn của các thành viên như sau:

+ Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Bình Triệu	45,00%
+ Công ty CP Xây dựng Cotec	30,00%
+ Công ty CP Chứng khoán Bản Việt	18,00%
+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phú Hưng Gia	7,00%

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Nguyễn Thanh Hảo	12.000.000	12.000.000
- Đỗ Thị Loan	21.000.000	21.000.000
Tổng cộng	33.000.000	33.000.000

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Thuế GTGT	-	48.390.634
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.352.314.399	538.263.331
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	2.246.409.000
Tổng cộng	1.352.314.399	2.833.062.965

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Phải trả nhân viên tạm ứng công trình	2.278.410.884	1.632.887.409
- Phải trả phải nộp khác:	18.367.451.213	18.526.181.942
+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Triệu Hưng Gia	18.000.000.000	18.000.000.000
+ Các khoản khác	367.451.213	526.181.942
Tổng cộng	20.645.862.097	20.159.069.351

15. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn

Tổng cộng

31/12/2011

VND

3.000.000

3.000.000

01/01/2011

VND

3.000.000

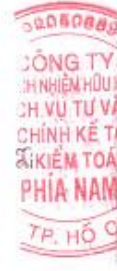
3.000.000



16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỉ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	12.613.450.000	445.617.017	(250.681.562)	612.646.464	306.121.860	3.320.862.855	17.048.016.634
Tăng vốn trong năm trước	1.261.340.000	-	-	-	-	-	1.261.340.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	2.110.357.154	2.110.357.154
Tăng khác	-	-	1.357.776.063	332.086.285	166.043.142	-	1.855.905.490
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(3.239.323.310)	(3.239.323.310)
Số dư cuối năm trước	13.874.790.000	445.617.017	1.107.094.501	944.732.749	472.165.002	2.191.896.699	19.036.295.968
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	4.501.692.950	4.501.692.950
Tăng khác	-	-	1.117.237.302	219.189.670	109.594.835	-	1.446.021.807
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(2.312.665.192)	(2.312.665.192)
Số dư cuối năm nay	13.874.790.000	445.617.017	2.224.331.803	1.163.922.419	581.759.837	4.380.924.457	22.671.345.533



b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND		Đầu năm VND	
- Vốn góp của Nhà nước	1.541.590.000	11%	1.695.748.389	12%
- Vốn góp của các đối tượng khác	12.333.200.000	89%	12.179.041.611	88%
Tổng cộng	13.874.790.000	100%	13.874.790.000	100%
- Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm	-		-	
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-		-	

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	13.874.790.000	12.613.450.000
Vốn góp tăng trong năm	-	1.261.340.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	13.874.790.000	13.874.790.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.387.479.000	2.270.420.500

c) Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		10%
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận		

đ) Cổ phiếu

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.351.285	1.351.285
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.387.479	1.387.479
- Cổ phiếu phổ thông	1.387.479	1.387.479
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.387.479	1.387.479
- Cổ phiếu phổ thông	1.387.479	1.387.479
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/Cổ phiếu

e) Các quỹ của công ty

	Cuối năm	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	1.163.922.419	944.732.749
- Quỹ dự phòng tài chính	581.759.837	472.165.002
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

17. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Doanh thu bán thành phẩm	44.947.976.503	45.985.379.812
- Doanh thu bán hàng hóa	90.200.121	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	235.040.000
Tổng cộng	45.038.176.624	46.220.419.812

18. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	-
Tổng cộng	-	-

19. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Doanh thu thuần bán sản phẩm	44.947.976.503	45.985.379.812
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	90.200.121	-
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	-	235.040.000
Tổng cộng	45.038.176.624	46.220.419.812

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn của thành phẩm	35.126.887.111	37.803.879.101
- Giá vốn của hàng hóa	16.279.884	-
Tổng cộng	35.143.166.995	37.803.879.101

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.099.896.244	264.717.262
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	60.120.350	11.201.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.995.359.294	22.611.134
Tổng cộng	4.155.375.888	298.529.396



22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền vay	12.600.000	193.686.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.700.576.975	51.464.381
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	582.368.700	346.535.650
- Chi phí tài chính khác	72.692	-
Tổng cộng	2.295.618.367	591.686.031

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.132.693.735	981.096.268
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.132.693.735	981.096.268

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.501.692.950	2.110.357.154
- Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông	1.387.479	1.324.930
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.245	1.593

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	30.494.895.055	14.667.009.147
Chi phí nhân công	15.382.067.011	9.437.105.554
Chi phí khấu hao tài sản cố định	328.052.461	98.258.482
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.458.509.357	10.026.997.521
Chi phí khác bằng tiền	1.464.798.570	4.038.041.932
Tổng cộng	63.128.322.454	38.267.412.636

26. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT & BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí tiền lương	607.341.312	577.070.876
Thù lao	300.748.147	289.322.521
Tổng cộng	908.089.459	866.393.397

2050889
CÔNG TY
NHÌM HỮU H
H VU TỬ VAI
HÍNH KẾ TO
KIỂM TOÁN
HÀ NAM
TP. HỒ CHÍ

12-01-2012
TÂN
12.200
LƯU
C) CHẾ ĐỘ

27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**27.1 Việc áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính**

Công ty áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính để đánh giá lại số dư các khoản mục cổ gốc ngoại tệ ngắn hạn tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán 31/12/2011, ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này so với Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái như sau:

- Trường hợp Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán số 10 thì Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế sẽ tăng lên tương ứng với giá trị là 2.224.331.803 đồng.

27.2 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Tổng Giám đốc

SỬ THỊ THÙY NGÀ

NGUYỄN HỒNG MỸ HẠNH

ĐINH VĂN THIỆU